

Bản án số: 55/2026/HS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Kiên - Nghề nghiệp: Giáo viên

2. Bà Nguyễn Thị Tường Vân - Nghề nghiệp: Hưu trí

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 7- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2026/TLST-HS, ngày 03/04/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1014/2026/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 05 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn N; sinh ngày: 05/11/2006, tại xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038206013671 (Theo danh, chỉ bản số 12 do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 01/01/2026); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đoàn C (Sinh năm: 1979), con bà: Bùi Thị N (Sinh năm: 1979); tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/12/2025, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 01/01/2026 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Hồng T; sinh ngày: 14/03/2006, tại xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038206019743 (Theo danh, chỉ bản số 11 do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 01/01/2026); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T (Sinh năm: 1980), con bà: Bùi Thị S (Sinh năm: 1981); tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 26/12/2025, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 01/01/2026 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Bùi Văn H; sinh ngày: 12/02/2007, tại xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038207030775 (Theo danh, chỉ bản số 10 do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 01/01/2026); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T (Sinh năm: 1966), con bà: Bùi Thị L (Sinh năm: 1967); tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp

ngăn chặn tạm giữ từ ngày 26/12/2025, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 01/01/2026 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Phạm Khánh Hoàng G; Sinh ngày: 16/09/2009

Số CCCD: 038209014866; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Địa chỉ: Thôn 2, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn 2, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 23/12/2025, Bùi Hồng T, Nguyễn Văn N, Bùi Văn Đ, Bùi Mạnh T, Bùi Văn T, Bùi Minh C, Bùi Đức H, Bùi Văn H, Bùi Văn Thành H rủ nhau tụ tập, điều khiển nhiều xe mô tô không gắn biển kiểm soát, chở quá số người quy định, mang theo vỏ chai bia nhặt ven đường làm hung khí di chuyển trên Quốc lộ 45. Khi đến khu vực thôn 5, xã K, các bị cáo phóng xe tạt đầu, ép xe của Nguyễn Đình N và Phạm Khánh Hoàng G vào lề đường, sau đó sử dụng vỏ chai bia và bóng đèn ném về phía N và G gây ồn ào, náo động ở khu dân cư thôn 5, xã K, tỉnh Thanh Hóa đã làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân, gây mất an ninh trật tự của địa phương.

Các bị cáo Bùi Hồng T, Nguyễn Văn N, Bùi Văn Đ, Bùi Mạnh T, Bùi Văn T chuẩn bị sẵn vỏ chai bia. Sau khi xảy ra mâu thuẫn đã điều khiển xe mô tô di chuyển đến khu vực dốc T thuộc thôn 1 T, xã K rồi rẽ vào đường bê tông ven Quốc lộ 45 đứng núp, chờ sẵn để phục đánh. Khi phát hiện Nguyễn Đình N điều khiển xe mô tô chở Phạm Khánh Hoàng G đi qua, Bùi Văn T đã sử dụng vỏ chai bia ném trúng vào vùng mặt của G gây thương tích cho G. Hậu quả, Phạm Khánh Hoàng G bị tổn thương cơ thể 23% (Hai mươi ba phần trăm).

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKSKV7, ngày 03/4/2026, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) khu vực 7- Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Văn N và Bùi Hồng T về các tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b, khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 2 Điều 134 BLHS. Truy tố Bùi Văn H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 318 BLHS.

Đối với hành vi của Bùi Văn Đ, Bùi Mạnh T, Bùi Văn T, Bùi Minh C, Bùi Đức H, Bùi Văn Thành H là người chưa thành niên, Cơ quan điều tra đã tách vụ án hình sự theo quy định tại khoản 1, Điều 143 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên để xử lý trong vụ án khác.

Tại phần tranh tụng tại phiên tòa: Đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 318; điểm đ, khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Nguyễn Văn N xử phạt Nguyễn Văn N từ 27 đến 30 tháng tù về tội “Gây rối trật

tự công cộng” và 25 đến 28 tháng tù đối với tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả 2 tội từ 52 đến 58 tháng tù.

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 318; điểm đ, khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Bùi Hồng T để xử phạt Bùi Hồng T từ 27 đến 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 24 đến 27 tháng tù đối với tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả 2 tội từ 51 đến 57 tháng tù.

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS để xử phạt Bùi Văn H từ 27 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo Nguyễn Văn N, Bùi Hồng T, Bùi Văn Đ, Bùi Mạnh T và Bùi Văn T cùng gia đình đã chủ động bồi thường khắc phục hậu quả cho Phạm Khánh Hoàng G với tổng số tiền là 158.200.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 một vỏ chai bia Bùi Văn T sử dụng để ném Phạm Khánh Hoàng G, 03 vỏ chai bia mà T và T chưa sử dụng đã vứt trên đường về nhà, là vật chứng của vụ án. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng chưa xác định được. Vì vậy, tiếp tục xác minh, truy tìm, khi tìm được vật chứng thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Tịch thu tiêu hủy các tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 05/5/2006 giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa và phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, Thanh Hóa.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại: Về vấn đề dân sự, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm. Người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho Nguyễn Văn N và Bùi Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Vào tối ngày 23/12/2025, các bị cáo Bùi Hồng T, Nguyễn Văn N, Bùi Văn Đ, Bùi Mạnh T, Bùi Văn T, Bùi Minh C, Bùi Đức H, Bùi

Văn H, Bùi Văn Thành H rủ nhau tụ tập, điều khiển nhiều xe mô tô không gắn biển kiểm soát, chở quá số người quy định, mang theo vỏ chai bia nhặt ven đường làm hung khí di chuyển trên Quốc lộ 45. Khi đến khu vực thôn 5, xã K, các bị cáo phóng xe tạt đầu, ép xe của Nguyễn Đình N và Phạm Khánh Hoàng G vào lề đường, sau đó sử dụng vỏ chai bia và bóng đèn ném về phía N và G gây ồn ào, náo động ở khu dân cư thôn 5, xã K, tỉnh Thanh Hóa đã làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân, gây mất an ninh trật tự của địa phương, gây bức xúc và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Như vậy HĐXX có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 318 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Bùi Hồng T, Nguyễn Văn N, Bùi Văn Đ, Bùi Mạnh T, Bùi Văn T chuẩn bị sẵn vỏ chai bia. Sau khi xảy ra mâu thuẫn đã điều khiển xe mô tô di chuyển đến khu vực dốc T thuộc thôn 1 T, xã K rồi rẽ vào đường bê tông ven Quốc lộ 45 đứng núp, chờ sẵn để phục đánh. Khi phát hiện Nguyễn Đình N điều khiển xe mô tô chở Phạm Khánh Hoàng G đi qua, Bùi Văn T đã sử dụng vỏ chai bia ném trúng vào vùng mặt của G gây thương tích cho G. Bản thân các bị cáo đều cùng chung ý chí, nhận thức được việc cùng di chuyển đến địa điểm phục sẵn, cùng chờ đợi để đánh N và G khi đi qua. Các đối tượng đều nhận thức rõ việc sử dụng vỏ chai bia ném vào người khác có thể gây thương tích nhưng vẫn cùng tham gia và để mặc cho hậu quả xảy ra. Vì vậy, hành vi của các đối tượng có mối quan hệ hỗ trợ, tác động qua lại lẫn nhau trong việc thực hiện tội phạm, thể hiện sự thống nhất ý chí và hành động, mong muốn gây thương tích cho Nguyễn Đình N và Phạm Khánh Hoàng G.

Ngoài ra, việc các bị cáo Bùi Hồng T, Nguyễn Văn N, Bùi Văn Đ, Bùi Mạnh T và Bùi Văn T chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhất đã thực hiện việc lừa đuổi đánh Nguyễn Đình N và Phạm Khánh Hoàng G là thể hiện việc coi thường pháp luật, tác động trực tiếp đến thân thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe của Phạm Khánh Hoàng G và Nguyễn Đình N. Hậu quả, Phạm Khánh Hoàng G bị tổn thương cơ thể 23% (Hai mươi ba phần trăm). Do đó, hành vi của các bị cáo Bùi Hồng T, Nguyễn Văn N, Bùi Văn Đ, Bùi Mạnh T và Bùi Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 134 - Bộ luật hình sự.

[3]. Xét về tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đối với hành vi Gây rối trật tự công cộng: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn. Bùi Mạnh T là người khởi xướng nên có vai trò thứ nhất. Các bị cáo đều có hành vi tham gia tích cực, hành vi của người này là động lực thúc đẩy hành vi của người khác, cùng chung vai trò trong vụ án.

Đối với hành vi Cố ý gây thương tích: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn. Nguyễn Văn N giữ vai trò khởi xướng. Bùi Văn T là người trực tiếp thực hiện hành vi ném vỏ chai bia gây thương tích, các bị cáo Bùi Văn Đ, Bùi Hồng T và Bùi Mạnh T là đồng phạm với vai trò giúp sức.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Bùi Hồng T và Bùi Văn H phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn N có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự là “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1, Điều 52 BLHS.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Bùi Hồng T và Bùi Văn H đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Đầu thú” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn N và Bùi Hồng T còn có thêm tình tiết giảm nhẹ là “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” và người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, trật tự công cộng, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

[6]. Các bị cáo Nguyễn Văn Nguyên và Bùi Hồng T phạm 2 tội đều là tội nghiêm trọng. Do đó, cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng và cần áp dụng Điều 38 BLHS để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo, tu dưỡng bản thân, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[7]. Bị cáo Bùi Văn H phạm 1 tội, là người có vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, có hai tình tiết giảm nhẹ. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo Nguyễn Văn N, Bùi Hồng T, Bùi Văn Đ, Bùi Mạnh T và Bùi Văn T cùng gia đình đã chủ động bồi thường khắc phục hậu quả cho Phạm Khánh Hoàng G với tổng số tiền là 158.200.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9]. Về vật chứng: Đối với 01 một vỏ chai bia Bùi Văn T sử dụng để ném Phạm Khánh Hoàng G, 03 vỏ chai bia mà T và T chưa sử dụng đã vứt trên đường về nhà, là vật chứng của vụ án. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng chưa xác định được. Vì vậy, tiếp tục xác minh, truy tìm, khi tìm được vật chứng thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các mảnh vỡ thủy tinh và 01 hộp đèn cứu hộ giao thông đã qua sử dụng. Đây là tang vật của vụ án, không còn giá trị nên cần áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 318; điểm đ, khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Nguyễn Văn N.

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 318; điểm đ, khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Bùi Hồng T.

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 BLHS; Khoản 4 Điều 328 BLTTHS đối với Bùi Văn H.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N và Bùi Hồng T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cố ý gây thương tích”.

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt Nguyễn Văn N 27 (Hai bảy) tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 25 (Hai lăm) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả 2 tội là 52 (Năm hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 26/12/2025).

Xử phạt Bùi Hồng T 27 (Hai bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 24 (Hai bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả 2 tội là 51 (Năm một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 26/12/2025).

Xử phạt Bùi Văn H 27 (Hai bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (Năm tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trả tự do cho bị cáo Bùi Văn H tại phiên tòa.

Giao bị cáo Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Ng, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS. Tịch thu và tiêu hủy đối với các mảnh vỡ thủy tinh và 01 (một) hộp đèn cứu hộ giao thông đã qua sử dụng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 05/5/2026 giữa Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh Thanh Hoá và Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người ĐDHP của người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cúc

